

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE
(trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền thông S-MEDIA)
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là "Công ty", trước đây với tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền thông S-MEDIA) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Chí Hiếu	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Thành viên
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Bà Lê Thị Trà Mi	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Bà Trần Thị Phương Hoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Nhâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Đức	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2021)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		128.819.605.279	108.226.074.986
I. Tiền	110	4	25.120.404.024	1.281.811.880
1. Tiền	111		25.120.404.024	1.281.811.880
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.380.417.514	50.671.957.884
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	86.845.040.200	50.429.755.664
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	526.909.584	233.734.490
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		8.467.730	8.467.730
III. Hàng tồn kho	140	7	16.283.523.741	52.967.083.952
1. Hàng tồn kho	141		16.283.523.741	52.967.083.952
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.260.000	3.305.221.270
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		35.260.000	75.071.750
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.230.149.520
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.233.941.660	2.613.465.137
I. Tài sản cố định	220		3.219.804.806	2.294.916.209
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.369.804.809	1.294.916.209
- Nguyên giá	222		2.851.388.964	1.436.711.146
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(481.584.155)	(141.794.937)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	849.999.997	1.000.000.000
- Nguyên giá	228		1.000.000.000	1.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(150.000.003)	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		2.014.136.854	318.548.928
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.014.136.854	318.548.928
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		134.053.546.939	110.839.540.123

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.533.512.277	100.659.488.207
I. Nợ ngắn hạn	310		19.533.512.277	100.659.488.207
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	12.066.436.528	18.348.699.436
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	5.642.041.194	1.032.341.936
3. Phải trả người lao động	314		1.671.990.764	272.358.635
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	12	153.043.291	81.006.088.200
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		114.520.034.662	10.180.051.916
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	114.520.034.662	10.180.051.916
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	5.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	5.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.520.034.662	5.180.051.916
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		5.180.051.916	2.643.178.961
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		9.339.982.746	2.536.872.955
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		134.053.546.939	110.839.540.123

Thủy

Đỗ Lệ Thủy
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 10 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2021	Quý 3/2020	9 tháng 2021	9 tháng 2020
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	15	50.149.912.000	13.151.920.000	100.635.230.000	34.478.443.000
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		50.149.912.000	13.151.920.000	100.635.230.000	34.478.443.000
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	16	38.595.021.326	13.651.006.828	83.041.005.772	32.844.013.666
4. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		11.554.890.674	(499.086.828)	17.594.224.228	1.634.429.334
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		16.605.034	23.249	19.030.600	1.622.651
6. Chi phí bán hàng	25	18	-	1.050.654.592	-	1.050.654.592
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	4.168.401.390	256.023.552	5.824.483.300	1.573.070.724
8. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-26)	30		7.403.094.318	(1.805.741.723)	11.788.771.528	(987.673.331)
9. Thu nhập khác	31		11.600.000	200.000	18.468.000	1.400.000
10. Chi phí khác	32		104.889.209	357.545	105.808.877	959.809
11. Lỗ khác (40=31-32)	40		(93.289.209)	(157.545)	(87.340.877)	440.191
12. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.309.805.109	(1.805.899.268)	11.701.430.651	(987.233.140)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	1.482.938.863	-	2.361.447.905	-
14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.826.866.246	(1.805.899.268)	9.339.982.746	(987.233.140)



Đỗ Lệ Thủy
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 10 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	11.701.430.651	(987.233.140)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	489.789.221	26.587.611
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.191.219.872	(960.645.529)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(33.511.415.144)	4.801.767.229
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	36.683.560.211	(15.840.540.790)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(32.767.382.684)	12.166.043.992
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.655.776.176)	209.712.991
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.027.277.569)	(35.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.087.071.490)	341.337.893
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.899.941.400)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.605.034	23.249
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.883.336.366)	23.249
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	46.809.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	46.809.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	23.838.592.144	341.361.142
Tiền đầu kỳ	60	1.281.811.880	434.002.588
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	25.120.404.024	775.363.730



Đỗ Lệ Thủy
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 10 năm 2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là “Công ty”, trước đây với tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền thông S-MEDIA), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107602021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 10 năm 2016 và sửa đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 8 năm 2021. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND, được chia thành 1.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động tư vấn quản lý, đầu tư;
- Cổng thông tin
- Sửa chữa thiết bị liên lạc
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, sáng tác, nghệ thuật và giải trí, nhiếp ảnh, trang trí nội thất, thiết kế website, thiết kế đồ họa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- In ấn, dịch vụ liên quan đến in;
- Xuất bản catalog; ảnh, bản khắc và bưu thiếp; thiệp chúc mừng; mẫu đơn; áp phích quảng cáo, các bản sao chép tác phẩm nghệ thuật; tài liệu quảng cáo và các tài liệu in ấn khác;
- Xuất bản trực tuyến con số thống kê hoặc các thông tin khác;
- Thuyết minh thời gian trình chiếu chương trình truyền hình về cuộc họp;
- Dịch vụ sắp xếp thư;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Hoạt động của các điểm truy cập internet, hoạt động viễn thông có dây, không dây, dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi; phát hành phim điện ảnh, phim video, chiếu phim, hậu kỳ, ghi âm;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, xuất bản phần mềm;
- Bán buôn, bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

Hoạt động chính của Công ty là truyền thông và quảng cáo.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện phát sinh trong kỳ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

Hiện nay, dịch bệnh COVID-19 đang tiếp tục diễn biến phức tạp tại Việt Nam và các nước khác trên thế giới nhưng Ban Tổng Giám đốc tin rằng vấn đề trên không có tác động trọng yếu đến báo cáo tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021. Ban Tổng Giám đốc đang tiếp tục đánh giá ảnh hưởng tiềm tàng của dịch bệnh COVID-19 đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 để xây dựng các kế hoạch ứng phó phù hợp đối với tình hình bất ổn này.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh liên quan là số liệu của báo cáo tài chính 9 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 chưa được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH 9 THÁNG NĂM 2021 VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2021.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là chi phí của các dự án dở dang với giá trị được xác định tương ứng với khối lượng các hạng mục công việc được hoàn thành bởi các nhà cung cấp và được nghiệm thu bởi các bên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 – 5
Phương tiện vận tải	6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính là 5 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày nghiệm thu dịch vụ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	1.693.909.242	600.130.204
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.426.494.782	681.681.676
	25.120.404.024	1.281.811.880

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa	1.454.941.400	-
Công ty TNHH Café'plus	-	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 18)	85.390.098.800	50.429.755.664
	86.845.040.200	50.429.755.664

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xây lắp - Thương mại Đại An	339.707.335	-
Công ty Cổ phần VCCORP	-	-
Các đối tượng khác	187.202.249	233.734.490
	526.909.584	233.734.490

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.283.523.741	-	52.967.083.952	-
	16.283.523.741	-	52.967.083.952	-

Chi tiết chi phí các dự án dở dang được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án Sunshine Marina	-	17.549.046.369
Dự án quảng bá thương hiệu Sunshine	7,381,984,945	7.288.399.587
Dự án Sunshine Heritage	2,847,021,971	5.394.326.919
Dự án Sunshine Homes	50,015,735	1.947.673.068
Dự án Sunshine City Sài Gòn	-	1.481.049.447
Dự án Sunshine Garden	20,198,661	1.555.927.487
Dự án Sunshine Empire	11,061,171	1.493.226.818
Dự án Sunshine Crystal River	-	2.921.651.604
Dự án Sunshine App	-	2.676.892.429
Các dự án khác	5.973.241.257	10.658.890.224
	16.283.523.741	52.967.083.952

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	1.436.711.146	-	1.436.711.146
Tăng trong kỳ	705.687.818	708.990.000	1.414.677.18
Số dư cuối kỳ	2.142.398.964	708.990.000	2.851.388.964
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	141.794.937	-	141.794.937
Khấu hao trong kỳ	310.247.969	29.541.249	339.789.218
Số dư cuối kỳ	452.042.906	29.541.249	481.584.155
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	1.294.916.209	-	1.294.916.209
Tại ngày cuối kỳ	1.690.356.058	679.448.751	2.369.804.809

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	1.000.000.000
Số dư cuối kỳ	1.000.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	-
Khấu hao trong kỳ	150.000.003
Số dư cuối kỳ	150.000.003
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	1.000.000.000
Tại ngày cuối kỳ	849.999.997

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	10.063.523.000	7.423.208.157	2.640.314.843
Thuế thu nhập doanh nghiệp	996.462.174	2.361.447.905	1.027.277.569	2.330.632.510
Thuế thu nhập cá nhân	33.671.453	625.773.553	86.137.336	573.307.670
Các loại thuế khác	2.208.309	230.034.413	134.456.551	97.786.171
	1.032.341.936	13.280.778.871	8.671.079.613	5.642.041.194

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Truyền thông Năng tháng tư	1.158.378.480	1.158.378.480	1.994.319.280	1.994.319.280
Công ty TNHH HTCOM Việt Nam	1.546.723.783	1.546.723.783	316.778.000	316.778.000
Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Việt Nam	1.191.410.027	1.191.410.027	1.132.244.080	1.132.244.080
Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông Thiên Hy Long Việt Nam	429.952.400	429.952.400	1.204.799.000	1.204.799.000
Công ty TNHH PKH Việt Nam	418.660.000	418.660.000	313.967.500	313.967.500
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dịch vụ JMB Việt Nam	-	-	1.038.656.080	1.038.656.080
Công ty TNHH Adasia Media Việt Nam	-	-	1.271.019.400	1.271.019.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sunshine Tech	589.039.000	589.039.000	1.000.330.000	1.000.330.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Tập trung Mặt Trời Vàng	-	-	812.440.520	812.440.520
Công ty TNHH Truyền thông UREKA Việt Nam	-	-	749.330.658	749.330.658
Công ty Cổ phần VCCORP	-	-	446.579.921	446.579.921
Phải trả các đối tượng khác	6.732.272.838	6.732.272.836	8.068.234.997	8.068.234.997
	12.066.436.528	12.066.436.528	18.348.699.436	18.348.699.436
Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 18)	1.886.799.261	1.886.799.261	2.081.885.920	2.081.885.920

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình (*)	-	40.528.683.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ (*)	-	26.197.800.000
Ông Nguyễn Đình Đức (*)	-	14.273.517.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	153.043.291	6.088.200
	153.043.291	81.006.088.200
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 18)	-	81.000.000.000

(*) Trong kỳ, Công ty đã chuyển một số khoản dư nợ phải trả đầu kỳ với các cá nhân là bên liên quan từ nợ phải trả thành vốn góp và thanh toán bằng chuyển khoản, cụ thể như sau:

Cá nhân	Chuyển đổi nợ thành vốn góp (VND)	Thanh toán bằng chuyển khoản (VND)
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ	26.197.800.000	-
Ông Nguyễn Đình Đức	14.273.517.000	-
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	7.719.683.000	32.809.000.000
	48.191.000.000	32.809.000.000

13. **VỐN CHỦ SỞ HỮU**
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Số dư đầu năm trước	5.000.000.000	2.643.178.961	7.643.178.961
Lợi nhuận trong năm	-	2.536.872.955	2.536.872.955
Số dư cuối năm trước	5.000.000.000	5.180.051.916	10.180.051.916
Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021			
Số dư đầu kỳ này	5.000.000.000	5.180.051.916	10.180.051.916
Tăng vốn trong kỳ (*)	95.000.000.000	-	95.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	9.339.982.746	9.339.982.746
Số dư cuối kỳ này	100.000.000.000	14.520.034.662	114.520.034.662

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2306/2021/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 6 năm 2021, Công ty chào bán cổ phần cho cổ đông để tăng vốn điều lệ thông qua hình thức góp vốn bằng nộp tiền vào tài khoản Công ty với số tiền 46.809.000.000 VND và chuyển đổi từ nợ phải trả của Công ty với một số cổ đông/cá nhân thành vốn góp với số tiền 48.191.000.000 VND, cụ thể như sau:

Cổ đông	Chuyển đổi nợ thành vốn góp (VND)
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ	26.197.800.000
Ông Nguyễn Đình Đức	14.273.517.000
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	7.719.683.000
	48.191.000.000

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 5.000.000.000 VND). Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	5.000.000.000	5,00%	500.000.000	10,00%
Ông Đỗ Văn Trường	4.750.000.000	4,75%	1.000.000.000	20,00%
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ	4.650.000.000	4,65%	-	0,00%
Ông Đình Hữu Thật	4.500.000.000	4,50%	3.500.000.000	70,00%
Ông Nguyễn Đình Đức	4.250.000.000	4.25%	-	0,00%
Các Cổ đông khác	76.850.000.000	76.85%	-	0,00%
	100.000.000.000	100,00%	5.000.000.000	100,00%

14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo. Trong kỳ, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ truyền thông, quảng cáo. Doanh thu, giá vốn theo hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 15 và số 16.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

15. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	100.635.230.000	34.478.443.000
	<u>100.635.230.000</u>	<u>34.478.443.000</u>
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 18)	100.635.230.000	34.478.443.000

16. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	83.041.005.772	32.844.013.666
	<u>83.041.005.772</u>	<u>32.844.013.666</u>

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	11.701.430.651	(987.233.140)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	105.808.877	959.809
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	11.807.239.528	(986.273.331)
Thuế suất thông thường	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>2.361.447.905</u>	<u>-</u>

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	19.949.092.000	16.088.600.000
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	30.102.526.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	6.749.646.000	2.928.253.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sunshine Tech	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	4.865.614.000	11.112.020.000
Công ty Cổ phần Sunshine Homes	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	15.315.060.000	-
Công ty TNHH Bảo Tín Sơn Tùng	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.501.735.000	-
Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.038.987.000	1.385.490.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Fulland	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.937.389.000	1.394.790.000
Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.105.528.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn KSFINANCE	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.372.680.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.080.895.000	797.320.000
Công ty TNHH Giáo dục Sunshine Maple Bear	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	766.954.000	-
Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	620.481.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Sunshine	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	746.839.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	373.332.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư KSFINANCE	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	3.413.102.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	3.542.611.000	771.970.000
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XUÂN LA	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.561.654.000	-
		99.167.649.000	34.478.443.000

Số dư chủ yếu với bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5)			
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	33.112.778.600	2.952.500.769
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sunshine Tech	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	4.752.175.400	12.223.222.000
Công ty Cổ phần Sunshine Homes	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	16.846.566.800	4.431.825.800
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	7.757.150.500	6.986.479.700
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	3.896.872.100	3.157.840.254
Công ty Cổ phần Bất động sản Fulland	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.131.127.900	1.534.269.000
Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.316.080.800	-
Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	700.000.000	1.489.219.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	3.536.462.600	727.709.041
Công ty TNHH Đầu tư SSF	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.235.876.400	-
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.188.984.500	-
Công ty TNHH Giáo dục Sunshine Maple Bear	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	843.649.400	2.965.151.200
Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	5.012.990.200
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Sunshine	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	387.568.500	8.147.348.900
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	410.665.200	-
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Bảo Tín Sơn Tùng	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.651.908.500	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Wonderland	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	742.409.800
Công Ty CP Đầu tư Xây Dựng Xuân La	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.717.819.400	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư KSFINANCE	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.904.412.200	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại S-mart	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	58.789.500
		85.390.098.800	50.429.755.664

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)

Công ty CP Phát triển Sunshine Homes	Phải trả phí dịch vụ điện, nước	-	224.096.920
Công ty TNHH Đầu Tư Xây dựng và Kinh doanh Thương mại Hoàng An	Phải trả phí dịch vụ điện, nước	950.104.991	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành S-Service	Phải trả phí dịch vụ vận hành tòa nhà, thuê chỗ để xe	188.562.000	377.124.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	Phải trả chi phí dịch vụ ăn uống	146.259.937	4.050.000
Công ty Cổ phần Sunshine CAB	Phải trả phí thuê xe	12.833.333	354.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sunshine Tech	Phải trả tiền mua tài sản cố định, công cụ dụng cụ	589.039.000	1.000.330.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại S-mart	Phải trả chi phí dịch vụ ăn uống	-	122.085.000
		1.886.799.261	2.081.885.920

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 12)

Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Phải trả tiền vay bổ sung vốn lưu động	-	40.528.683.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ	Phải trả tiền vay bổ sung vốn lưu động	-	26.197.800.000
Ông Nguyễn Đình Đức	Phải trả tiền vay bổ sung vốn lưu động	-	14.273.517.000
		-	81.000.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị trong kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lương thưởng và các khoản phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc	1.262.609.580	281.200.000
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	628.572.543	281.200.000
Ông Nguyễn Đình Đức	277.000.000	Chưa là thành viên Ban Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Minh	357.037.037	Chưa là thành viên Ban Tổng Giám đốc
Thù lao của Hội đồng Quản trị	-	-
	1.262.609.580	281.200.000



Đỗ Lệ Thủy
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 10 năm 2021